

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2020
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1991; địa chỉ: 287C2, Tân Mai, quận H, thành phố Hà Nội, (có mặt).

Bị đơn: Anh Chu Văn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết N trình bày:

Chị kết hôn với anh Chu Văn Q ngày 25/3/2011, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh Q, sau đó anh chị xuống Hà Nội thuê nhà và làm ăn sinh sống dưới Hà Nội. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2014 -2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là do anh Q chơi bời cờ bạc không tu trí làm ăn, không vun vén hạnh phúc gia đình, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Tình

cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Năm 2017, anh Q bị bắt và bị xử phạt 14 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh Q đang chấp hành án tại Trại giam V. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu: Chu Thảo L, sinh ngày 09/7/2011, hiện cháu đang ở với chị N. Ly hôn chị xin được nuôi cháu L và không yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con chung.

Tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn Q vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Bản tự khai ngày 17 tháng 8 năm 2020, anh Q trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị N khai là đúng. Năm 2017, anh bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam V. Nay chị N xin ly hôn anh nhất trí ly hôn. Việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án, anh không thắc mắc gì về thẩm quyền. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Chu Thảo L, sinh ngày 09/7/2011, hiện cháu đang ở với chị N. Ly hôn anh nhất trí để chị N nuôi cháu L. Do anh đang chấp hành án tại Trại giam nên không thể cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 19 tháng 8 năm 2020, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp: Anh Q và chị N đăng ký kết hôn ngày 25/3/2011. Việc kết hôn của anh chị không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị N thì UBND xã không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay UBND xã không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị N, không nhận được đơn tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào đối với anh Q và chị N về hành vi vi phạm pháp luật. Hiện chị N không chung sống cùng gia đình anh Q ở thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc chị N có đơn xin ly hôn anh Q, xin nuôi con và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 8 năm 2020, cháu Chu Thảo L là con chung của chị N và anh Q trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án

theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Q là bị đơn hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam V, xã Đ, huyện T nhưng anh Q đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho chị Nguyễn Tuyết N được ly hôn anh Chu Văn Q; về con chung: Chị Nguyễn Tuyết N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Thảo L, sinh ngày 09/7/2011. Anh Chu Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Tuyết N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Chu Văn Q, có hộ khẩu tại: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Đối với anh Chu Văn Q: Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Q đã có Bản tự khai, có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết, xét xử vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết N và anh Chu Văn Q đăng ký kết hôn ngày 25/3/2011, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị N và anh Q thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh Q có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị N trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q chơi bời không tu trí làm ăn, không vun vén hạnh phúc gia đình, dần dần hai vợ chồng không còn tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến năm 2017, thì anh Q bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam V.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Q có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q. Việc chị N xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 8 năm 2020, anh Q cũng thừa nhận anh và chị N mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị N xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung là cháu Chu Thảo L, sinh ngày 09/7/2011, hiện cháu L đang ở với chị N. Ly hôn anh Q nhất trí để chị N nuôi cháu L. Hiện tại cháu Chu Thảo L đã trên 7 tuổi và có nguyên vọng ở với mẹ là chị N. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu L, cần giao cháu L cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung chị N không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị N, anh Q không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện V phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết N được ly hôn anh Chu Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Tuyết N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Thảo L, sinh ngày 09/7/2011 (hiện cháu L đang ở với chị N). Anh Chu Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã

nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005313 ngày 24/7/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Minh

Phùng Văn Thông

Hoàng Thị Quỳnh